

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ
THƯƠNG MẠI VĨNH SƠN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

MÃ SỐ THUẾ: 2500 254 687

Gồm các biểu:

- | | |
|-------------------------|--------------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán | (Mẫu số: B01 - DN) |
| 2. Báo cáo kết quả HĐKD | (Mẫu số: B02 - DN) |

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Vĩnh Sơn
Khu CN Khai Quang, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	72.817.343.970	77.896.632.351
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1.081.658.263	1.080.681.107
1. Tiền	111	1.081.658.263	1.080.681.107
2. Các khoản tương đương tiền	112		
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2.834.853.295	3.988.731.646
1. Chứng khoán kinh doanh	121	1.134.853.295	1.084.319.200
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.700.000.000	2.904.412.446
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	49.257.599.720	49.127.982.074
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	295.806.661	403.692.752
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	683.760.450	568.300.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	48.526.191.609	48.404.148.322
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(248.159.000)	(248.159.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV. Hàng tồn kho	140	12.145.675	540.000
1. Hàng tồn kho	141	12.145.675	540.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	19.631.087.017	23.698.697.524
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.432.540.842	18.029.148.026
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	2.198.546.175	5.669.549.498
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	142.032.458.198	153.500.708.084
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
II. Tài sản cố định	220	2.529.925.219	975.228.957
1. Tài sản cố định hữu hình	221	2.529.925.219	975.228.957
- Nguyên giá	222	4.020.357.583	2.140.002.128
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(1.490.432.364)	(1.164.773.171)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
3. Tài sản cố định vô hình	227		

III. Bất động sản đầu tư	230	70.593.672.424	78.440.503.778
- Nguyên giá	231	118.363.026.842	117.980.285.404
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	(47.769.354.418)	(39.539.781.626)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	8.387.155.282	6.477.767.125
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	8.387.155.282	6.477.767.125
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	60.521.705.273	67.607.208.224
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	60.521.705.273	67.607.208.224
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4. Tài sản dài hạn khác	268		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	214.849.802.168	231.397.340.435
NGUỒN VỐN			
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	62.174.719.456	85.766.171.158
I. Nợ ngắn hạn	310	45.507.261.909	27.030.873.869
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19.180.800	87.926.461
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.015.868.051	1.496.347.430
4. Phải trả người lao động	314		
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	128.060.061	
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16.491.123.284	14.737.790.539
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.527.547.590	5.451.589.576
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14.550.000.000	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	6.775.482.123	5.257.219.863
II. Nợ dài hạn	330	16.667.457.547	58.735.297.289
1. Phải trả người bán dài hạn	331		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7. Phải trả dài hạn khác	337	16.667.457.547	16.667.457.547
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		42.067.839.742
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	152.675.082.712	145.631.169.277
I. Vốn chủ sở hữu	410	152.675.082.712	145.631.169.277
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	107.068.460.000	107.068.460.000

- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	12.188.599.519	12.188.599.519
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	33.459.630.662	26.405.496.230
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	(41.607.469)	(31.386.472)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	214.849.802.168	231.397.340.435

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Giám đốc

Đã ký

Đã ký

Nguyễn Thị Hương

Phạm Thị Thanh Mai

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Vĩnh Sơn
Khu CN Khai Quang, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

ĐVT: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Tổng Doanh thu trong đó	57.750.755.103	54.138.300.282
1.1	<i>Doanh thu cho thuê nhà xưởng, XLNT</i>	55.136.362.995	49.000.194.630
1.2	<i>Doanh thu thi công, DT khác, thu nhập khác</i>	2.614.392.108	5.138.105.652
2	Chi phí tài chính	2.851.233.104	6.971.662.162
3	Chi phí giá vốn hàng bán	19.229.018.230	18.457.427.448
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.608.131.255	4.545.125.944
5	Thu nhập khác	220.000.010	18.979.355
6	Chi phí khác	204.236.949	411.548.180
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.078.135.575	23.771.515.903
8	Chi phí thuế TNDN	5.457.157.215	3.349.505.350
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.620.978.360	20.422.010.553
9-1	Lợi nhuận sau thuế của tổng Công ty	25.631.199.358	20.431.243.072
9-2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(10.220.998)	- 9.232.519

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Giám đốc

Đã ký

Đã ký

Nguyễn Thị Hương

Phạm Thị Thanh Mai